

Bản án số: **167/2024/DS-ST**
Ngày: 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Trần Thanh Thía

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

* *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn V**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông **Phan Văn S** trình bày:*

Ông và ông **Hồ Văn V** có quen biết nên vào ngày 13/12/2023 ông có cho ông **Vũ M** số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Khi mượn tiền ông **V** có làm giấy nhận nợ với ông, ông **V** hứa trong vòng 06 tháng sẽ trả số tiền lại cho ông nhưng đến nay ông **V** không trả. Ông đã đòi nhiều lần nhưng ông **Hồ Văn V** cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Ông yêu cầu ông **V** phải trả tiền lãi cho ông theo mức lãi suất 1.66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 13/12/2023 dương lịch đến ngày 13/7/2024 dương lịch là 07 tháng với số tiền như sau: 150.000.000 đồng x 1.66% x 07 tháng = 17.430.000 đồng, tổng vốn và lãi là 167.430.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Tại đơn yêu cầu về việc trình bày nội dung khởi kiện ông **Phan Văn S** trình bày: ông thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ông chỉ yêu cầu ông **Hồ Văn V** trả cho ông số tiền vốn là 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 14/6/2024 (là ngày mà ông **V** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông như cam kết) đến ngày 14/9/2024 là 03 tháng, theo mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 3.735.000 (Ba

triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Tổng vốn và lãi là 153.735.000 (Một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông **Hồ Văn V** đúng theo quy định pháp luật nhưng ông **V** không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông **Phan Văn S** khởi kiện yêu cầu ông **Hồ Văn V** trả tiền mượn thực chất là cho vay không có lãi nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Ngày 19-9-2024, ông **Phan Văn S** có đơn xin xét xử vắng mặt; ông **Hồ Văn V** đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Toà án căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét thấy, tại đơn yêu cầu về việc trình bày nội dung khởi kiện ông **Phan Văn S** thay đổi yêu cầu khởi kiện, xét thấy việc thay đổi yêu cầu của ông **S** không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung: Ông **Phan Văn S** khởi kiện yêu cầu ông **Hồ Văn V** trả số tiền vốn và lãi là 153.735.000 theo giấy ngày 13/12/2013 có nội dung ghi “Tôi **Hồ Văn V** có mượn số tiền 150.000.000đ của **Phan Văn S** ... hứa trong vòng 06 tháng ...” có chữ ký tên của ông **Hồ Văn V**. Ông **V** đã được Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo cho ông **V** biết về khoản nợ trên nhưng ông **V** không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông **S**, điều này cho thấy giữa ông **S** và ông **V** là thực tế có thực hiện việc cho mượn tiền với số tiền là 150.000.000 đồng theo như giấy ghi ngày 13/12/2023 nên yêu cầu của ông **Phan Văn S** là có căn cứ được chấp nhận với số tiền vốn là 150.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của ông **Phan Văn S** thấy rằng trong giấy ngày 13/12/2023 xác định là cho mượn tiền và không có thoả thuận lãi suất, hứa sẽ trả trong vòng 06 tháng nên hạn cuối ông **V** phải trả tiền là ngày 13/6/2024 nhưng ông **V** không thực hiện nên ông **V** phải trả lãi chậm trả trên số tiền nợ ông **S** từ ngày 14/6/2024, ông **S** yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 14/6/2024 đến ngày 14/9/2024 là 03 tháng, theo mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 3.735.000 (Ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên yêu cầu của ông **S** là có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông **Phan Văn S** về việc yêu cầu ông **Hồ Văn V** trả số tiền vốn và lãi là 153.735.000 (Một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông **Phan Văn S** được chấp nhận nên không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại. Ông **Hồ Văn V** phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả cho ông **S**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 238; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông **Phan Văn S** về việc yêu cầu ông **Hồ Văn V** trả tiền.

Buộc ông **Hồ Văn V** trả cho ông **Phan Văn S** tổng số tiền vốn và lãi là 153.735.000 (Một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

+ Ông **Phan Văn S** không phải chịu án phí. Ngày 18 tháng 7 năm 2024, ông **Phan Văn S** đã nộp số tiền 4.186.000 (Bốn triệu một trăm tám mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006619 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông **Hồ Văn V** phải chịu 7.686.750 (Bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng, chưa nộp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa